|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN THANH TRÌ**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH LIỆT**  **Tuần: 9** | **KẾ HOẠCH BÀI DẠY**  **PHÂN MÔN: HỌC VẦN**  Ngày dạy: ***02/11/2022*** |
| **BÀI 48:** **ÔM- ÔP** | |

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần ôm, ôp; biết đánh vần, đọc đúng tiếng có vần ôm, ôp . Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có vần ôm, ôp. Đọc đúng, hiểu bài tập đọc Chậm như thỏ. Biết cách viết trên bảng con.

- Đọc các vần và các tiếng chứa vần ôm, ô. Phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng, từ, bài tập đọc và trả lời câu hỏi. Quan sát và viết đúng mẫu chữ ôm, tôm, ôp, hộp sữa, trình bày đúng bài viết. Nghe, phân biệt được việc đọc đúng, sai, trả lời được câu hỏi.

- Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Yêu thích môn học. Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV**:** BGĐT, máy chiếu, máy soi, phấn màu

- HS: Bộ ĐD TV, bảng con, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **3’** | **1. Hoạt động mở đầu**  **a. Khởi động**  Gọi 2 HS đọc bài Tập đọc ***“Lừa và ngựa”*** (bài 47) và TLCH cuối bài.  - NX chung.  **b. Kết nối**  **\* Giới thiệu bài**: GV viết tên bài lên bảng. | -1 HS đọc bài trên màn hình, 1 HS đọc bài ở SGK, trả lời câu hỏi.  - HSNX |
| **12’**  **6’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **2.1.Chia sẻ và khám phá(** BT1 – làm quen)  ***a..Dạy vần ôm***  - Đưa vần: ôm, hỏi: Vần ôm do âm nào tạo nên ?  - Đưa hình ảnh con tôm, hỏi: Đây là con gì?  - GV: Tôm là loài vật giáp xác, thường sống ở dưới nước.  - Đưa tiếng: tôm  (?) Trong tiếng *tôm* có vần nào hôm nay học?  - YC HS phân tích tiếng: tôm  - GT: ôm là vần mới thứ nhất của bài học hôm nay.  - Yêu cầu HS phân tích vần ôm.  - GT mô hình vần ôm, HD cách đánh vần.  - Chỉ tiếng tôm, HD cách đánh vần.  Chỉ trên màn hình: ôm, tôm.  ***b.Dạy vần ôp****:* tương tự vần ôm.  - Chúng ta vừa học hai vần mới nào?  - Vần ôm và vần ôp có gì giống và khác nhau?  **\* Chốt:** Chỉ vào hiệu ứng trên màn hình và nói vần ôm giống vần ôp đều bắt đầu bằng âm ô. Vần ôm khác vần ôp: ôm kết thúc bằng m, ôp kết thúc bằng p.  - Chỉ bài: + ôm, tôm  + ôp, hộp, hộp sữa  - YC HS sử dụng bảng gài ghép lại vần, tiếng vừa học.  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**  *3.1.Mở rộng vốn từ:* Đưa tranh BT2, nêu yêu cầu.  - Chỉ từng từ theo số TT tranh trên màn hình.  - Giải nghĩa từ:  GV Chỉ hình ảnh, nói:  +cốm: thóc nếp non rang chín, giã sạch vỏ, màu xanh, hương vị thơm ngon.  + đồ gốm: sản phẩm làm từ đất sét, đưa vào lò nung.  -Tìm tiếng có vần ôm, vần ôp: Cho HS thảo luận nhóm bàn  -Báo cáo kết quả  Chỉ trên màn hình:  + tiếng có vần ôm  + Tiếng có vần ôp  - Nhận xét  - YC HS đọc đồng thanh  - Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài có vần ôm hoặc vần ôp. | - HSTL. HS đọc: ôm. Cả lớp: ôm.  - HSTL: con tôm  - HS đọc  - TL: vần ôm  - Phân tích: tiếng tôm: có âm t đứng trước, vần ôm đứng sau.  - HS đọc: ôm  - HS: vần ôm có âm ô đứng trước, âm m đứng sau.  - HS (CN, tổ, ĐT): ô- mờ-ôm / ôm.  - HS đánh vần, đọc trơn. (CN, ĐT): tờ- ôm – tôm/tôm  - HS đánh vần, đọc trơn.  - HSTL: ôm, ôp  - HSTL  - HS đọc CN- ĐT  - HS thực hành ghép trên bảng gài: ôm, tôm, ôp, hộp.  - Quan sát tranh trên màn hình  - 1 HS đọc - Lớp đọc tên sự vật, hành động trong tranh.  - Lắng nghe  - Thực hành theo nhóm bàn.  - Chia sẻ trước lớp:  + Từng cặp HS: 1 HS nói tiếng có vần ôm, 1 HS nói tiếng có vần ôp. (1 nhóm đứng tại chỗ, 1 nhóm lên nói và chỉ trên màn hình).  - HSNX  - HS nói đồng thanh: Tiếng .... có vần ôm, tiếng ... có vần ôp.  -HS tìm tiếng chứa vần ôm, ôp |
| **1’** | **THƯ GIÃN** | **Múa hát hoặc chơi trò chơi** |
| **12’** | *3.2.Tập viết bảng con*  - Giới thiệu bài viết trên màn hình.  (?)Trong bài viết, con chữ nào cao 5 li?  (?)Trong bài viết, con chữ nào cao 4 li?  (?)Trong bài viết, con chữ nào cao 3 li?  (?) Các con chữ còn lại cao mấy li?  (?)Chữ “tôm” có mấy con chữ?  (?)Trong chữ “hộp” dấu nặng viết ở vị trí nào?  (?)Trong chữ “sữa” dấu ngã viết ở vị trí nào?  -Viết mẫu, hướng dẫn cách viết. Chú ý nét nối giữa ô với m, ô với p, t với ôm, h với ô, s với ưa và khoảng cách giữa các chữ trong từ.  - Cho HS xem clip quy trình viết.  -YC HS viết bảng con  Quan sát, sửa sai bằng phấn màu. | -1 HS đọc, lớp đọc  - HS nêu: h  - HS nêu: p  - HS nêu: t  - HS nêu: 2 li  - HSTL  - HSTL  - HSTL  - Quan sát  -Viết bảng con:  + ôm, tôm  + ôp, hộp sữa |

**TIẾT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **2’**  **5’**  **10’** | **1.Hoạt động mở đầu**:  -Vừa rồi chúng ta đã được học tiết 1 bài 48. Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục học bài ôm, ôp ở tiết 2.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới kết hợp luyện tập thực hành:**  2.1. Đọc ôn bài tiết 1  **-** GV chỉ thứ tự và không theo thứ tự: Yêu cầu HS đọc vần ôm, ôp các từ tôm, hộp sữa  **2.2. Tập đọc (BT4)**  \* **GT bài đọc:** Đưa tranh bài TĐ, hỏi: Tranh vẽ những con vật nào?  - GV: Đây là một bài vè rất thú vị. Để biết bài vè này nói về điều gì các con cùng đọc bài **Chậm...như thỏ** để biết nhé!  **\* GV Đọc mẫu**  -Đọc từng câu kết hợp giới thiệu tình huống để HS hiểu rõ hơn nội dung bài đọc.  **\* Luyện đọc TN:**  - Chỉ từng từ: mổ mổ, liếm la, nhu mì, gã cọp, phốp pháp, ốm o, la to, chậm, lẹ.  - Giải nghĩa từ:  + *liếm la: là liếm*  *+ nhu mì: là hiền*  *+ phốp pháp: là to béo*  *+ lẹ: là nhanh*  **\* Luyện đọc câu**  - Bài có mấy dòng thơ?  - Gạch / khi đọc 2 dòng thơ. Ghi số câu.  - Đọc vỡ: Chỉ từng dòng cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.(Đọc liền 2 dòng thơ: Chó thì mổ mổ/ Gà thì la liếm).  - Chỉ 2 dòng trên màn hình cho HS đọc nối tiếp.  - Đọc nối câu: Chỉ bảng. | **-** Mở SGK trang 87  - HS nêu tên các con vật  - HS nghe  - Quan sát, đọc thầm.  - Đọc cá nhân, ĐT  - Đếm, TLCH(10 dòng thơ)  - HS thực hiện theo  - Đếm, TLCH (5 câu)  - Đọc: CN, ĐT  -5 HS đọc nối tiếp, mỗi em 1 câu (2 lượt). |
| **1’** | **THƯ GIÃN** | **Múa hát hoặc chơi trò chơi** |
| **5’**  **5’**  **4’** | ***\** Luyện đọc đoạn***:*chia bài làm 2 đoạn:  +Đoạn 1: 4 dòng đầu.  +Đoạn 2: Tương tự đoạn 1  *\** Thi đọc nối đoạn*:*  **\* Tìm hiểu bài:**  1. Nói ngược  - GV đưa nội dung BT lên bảng lớp; nêu YC: trong bài vè, 2 dòng thơ tạo thành 1 cặp, có nội dung trái ngược nhau, trái ngược với thực tế. GV chỉ từng dòng, đọc 2 chữ đầu câu, cả lớp nói tiếp để hoàn thành các câu nói ngược  + GV: Chó thì….  + GV: Dữ như….  + GV: Cò thì….  + GV: Cá thì  + GV: Chậm như…  + GV: Gà thì…  + GV: Nhu mì  + GV: Bò thì  + GV: Im như  + GV: Lẹ như  (Lặp lại) 1 HS đọc lên 2 chữ đầu câu - cả lớp đọc đồng thanh.  - Đọc cả bài  **2.5.Nói thực tế**  - GV đọc 2 dòng thơ đầu, sau đó hỏi: Nói đúng sự thật thì phải thế nào? (GV vẽ mũi tên 2 đầu <-> đảo vị trí từ)  - GV: Chó thì mổ mổ  Gà thì liếm la  - Lặp lại với cả lớp  - GV: Chó thì mổ mổ  Gà thì liếm la  - Làm tương tự với các dòng thơ tiếp.  - GV: Qua bài đọc, em biết gì về bài vè?  - GV: Đây là bài vè nói ngược lại với sự thật. Cách nói ngược làm cho bài vè thú vị hơn.  \* Cả lớp nhìn SGK, đọc lại 2 trang bài 87. | - HS dùng bút chì đánh dấu đoạn vào SGK.  - 1 HS đọc  - 1HS đọc lại đoạn 1  - HS đọc đoạn 2  - Luyện đọc theo nhóm bàn.  - Các bàn thi đọc trước lớp.  -HS quan sát  - Cả lớp: mổ mổ  - Cả lớp: quả na  - Cả lớp: phốp pháp  - Cả lớp: la to  - Cả lớp: cô thỏ  - Cả lớp: liếm la  - Cả lớp: gã cọp  - Cả lớp: ốm o  - Cả lớp: trẻ nhỏ  - Cả lớp: cụ rùa  - Đọc: CN, ĐT(đọc nhỏ)  - HS quan sát  -1 HS làm mẫu:  Chó thì liếm la  Gà thì mổ mổ  - Cả lớp thực hiên  - Cả lớp đồng thanh  Chó thì liếm la  Gà thì mổ mổ  - HSTL: đây là bài vè nói ngược  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh. |
| **3’** | **4. Hoạt động vận dụng**  - Chúng ta vừa học vần gì mới?  - Hai vần có gì khác nhau?  ? Hãy nêu cho cô tên một số đồ vật, sự vật quanh em có tiếng chứa vần ôm (hoặc ôp)  - Nhận xét, khen HS  - Cho HS đọc lại toàn bài.  - Dặn HS về đọc lại bài 48 và chuẩn bị bài 49 (ơm, ơp).  - Nhận xét tiết học. | - Vần ôm, ôp.  - HSTL  - HS nêu, NX  - Cả lớp đọc lại 2 trang ND bài 48. |

**\*Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... ..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................